

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~763~~/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Tiểu dự án cấp nước sạch cho 08 xã huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc “Chương trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng” vay vốn Ngân hàng Thế giới.

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Hiệp định vay số 5176-VN ngày 22/02/2013 giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội phát triển Quốc tế;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4391/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Tiểu dự án cấp nước sạch cho 08 xã huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc “Chương trình cấp nước sạch và VSNT dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB);

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 05/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Tiểu dự án cấp nước sạch cho 08 xã huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc “Chương trình cấp nước sạch và VSNT dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB);

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 12301/UBND-NN ngày 26/10/2016 về việc chủ trương điều chỉnh tiêu dự án cấp nước cho 08 xã huyện Hoằng Hóa thuộc Chương trình PforR;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 077/TTr-TTN ngày 16/02/2017 của Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT tỉnh về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Tiểu dự án cấp nước sạch cho 08 xã huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc “Chương trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB);

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 0987/SXD-HĐXD ngày 07/3/2017 trình Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Tiểu dự án cấp nước sạch cho 08 xã huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc

“Chương trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB) (kèm theo hồ sơ dự án),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Tiêu dự án cấp nước sạch cho 08 xã huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc “Chương trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB) với những nội dung sau:

1. Khái quát về dự án:

Dự án đầu tư xây dựng công trình Tiêu dự án cấp nước sạch cho 08 xã huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc “Chương trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB) được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4391/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 với tổng mức đầu tư là 216.580 triệu đồng. Nguồn vốn: Vốn vay WB, ngân sách tỉnh và đóng góp của người hưởng lợi; phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 05/01/2016 của UBND tỉnh với tổng mức đầu tư là 216.580 triệu đồng. Hiện nay, chủ đầu tư đang tổ chức thi công với khối lượng thực hiện ước khoảng 50% tổng khối lượng công việc của dự án.

2. Lý do điều chỉnh:

Thực hiện theo nội dung chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 12301/UBND-NN ngày 26/10/2016 về việc chủ trương điều chỉnh tiêu dự án cấp nước cho 08 xã huyện Hoằng Hóa thuộc Chương trình PforR và một số nội dung để đảm bảo an toàn chịu lực, công năng sử dụng và điều kiện thực tế thi công.

3. Nội dung điều chỉnh và các giải pháp thiết kế chủ yếu:

a) Khu đầu mối và Trạm bơm nước thô:

- Bổ sung tuyến đường công vụ để thi công tuyến công lấy nước vào hồ với tổng chiều dài tuyến $L=70m$; chiều rộng mặt đường $Bm=3,0m$; độ dốc mái taluy đắp 1/1.5; đường đắp đất.

- Điều chỉnh đoạn ống nhựa uPVC D400 qua Quốc lộ 10 thành ống thép đen D400 để đảm bảo an toàn chịu lực;

b) Tuyến ống nước thô:

Dịch chuyển tuyến ống nước thô đoạn từ Km4+831 đến Km5+275 cách mép kênh Nam 1,8m nhằm đảm bảo cách bờ tả kênh Nam khoảng cách tối thiểu 1,5m theo nội dung Công văn số 728/BSM-KT&QLCT ngày 14/10/2016 của Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc sông Mã.

c) Khu vực Trạm xử lý:

- Mở rộng hạng mục Trạm bơm cấp II thêm 03 gian nhằm đảm bảo công năng sử dụng. Cụ thể: 01 gian để đặt các thiết bị giám sát, vận hành; 02 gian để thiết bị vật tư và nơi sửa chữa, bảo trì.

- Giảm trừ số lượng một số thiết bị và bổ sung thêm các thiết bị thí nghiệm phục vụ việc kiểm tra, thí nghiệm chất lượng nước trong quá trình khai thác, quản lý vận hành.

d) Mạng lưới đường ống cấp nước sạch:

- Bổ sung tuyến ống D140 đầu nối từ đường ống D200 tại ngã tư Hoàng Hải – Hoàng Trường cấp nước cho Khu nghỉ dưỡng Linh Trường và các hộ dân trong khu vực với tổng chiều dài $L=1.174,0m$.

- Dịch chuyển đoạn đường ống cấp nước từ ngã năm xã Hoàng Ngọc, Hoàng Tiến đi khu du lịch Hải Tiến từ Km8+200 đến Km10+429,9 ra ngoài hành lang tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi khu du lịch Hải Tiến, huyện Hoàng Hóa đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình tại Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 05/8/2016.

- Thiết kế điều chỉnh, bổ sung tuyến mạng lưới đường ống cấp nước cho khu đô thị Hải Tiến thuộc xã Hoàng Tiến. Cụ thể:

+ Điều chỉnh tăng đường kính ống cấp nước cho khu du lịch Hải Tiến nhằm đảm bảo nhu cầu cấp nước tăng cao phục vụ phát triển du lịch.

+ Bổ sung các tuyến ống cấp nước dịch vụ cấp nước cho toàn bộ khu du lịch Hải Tiến.

- Bổ sung mạng đường ống cấp nước sạch cho các hộ dân thuộc thôn 1, xã Hoàng Yên, huyện Hoàng Hóa;

- Bổ sung một số tuyến ống dịch vụ để cấp nước cho các hộ dân thuộc các xã Hoàng Thanh, Hoàng Phụ, Hoàng Ngọc, Hoàng Đông.

e) Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 05/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Tổng mức đầu tư điều chỉnh:		216.580 triệu đồng
Trong đó:	- Chi phí xây dựng+ TB	: 185.358,897 triệu đồng;
	- Chi phí QLDA	: 2.070,821 triệu đồng;
	- Chi phí TVĐTXD	: 10.696,207 triệu đồng;
	- Chi phí khác	: 2.939,101 triệu đồng;
	- Chi phí GPMB	: 15.258,455 triệu đồng;
	- Chi phí dự phòng	: 256,520 triệu đồng.

(Có chi tiết kèm theo)

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng

công trình.

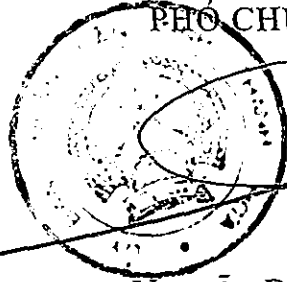
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT tỉnh (chủ đầu tư) và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, PgNN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

Biểu chi tiết
ĐIỀU CHỈNH TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án đầu tư xây dựng công trình **Tiên dự án cấp nước sạch cho 08 xã huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa** thuộc “Chương trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB)

(Kèm theo Quyết định số: **763** ngày **14/3/2017** của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục chi phí	TMĐT theo Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 05/01/2016	TMĐT điều chỉnh	Tăng (+), giảm (-)
I, II	Chi phí xây dựng + thiết bị	172.214,000	185.358,897	+13.144,90
1	Gói thầu số 7		31.844,744	
2	Gói thầu số 8		18.453,141	
3	Gói thầu số 9		33.996,122	
4	Gói thầu số 10		18.399,021	
5	Gói thầu số 11		9.686,638	
6	Gói thầu số 12		19.887,867	
7	Gói thầu số 13		10.159,322	
8	Gói thầu số 14		10.740,135	
9	Gói thầu số 15		10.831,762	
10	Gói thầu số 16		8.667,918	
11	Gói thầu số 17		7.628,625	
12	Gói thầu số 18		1.251,880	
13	Gói thầu số 19		3.811,722	
III	Chi phí QLDA	1.957,000	2.070,821	+113,82
IV	Chi phí tư vấn ĐTXD	9.804,000	10.696,207	+892,21
1	Gói thầu số 1: Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-DT	3.737,800	4.110,940	
2	Gói thầu số 2: Tư vấn lựa chọn nhà thầu các gói thầu	221,800	123,411	
3	Gói thầu số 3: Tư vấn giám sát thi công và lắp đặt thiết bị công trình	1.740,000	1.805,401	
4	Gói thầu số 4: Giám sát, đánh giá dự án	430,500	195,000	
5	Chi phí giám sát, đánh giá dự án (do ban làm)		184,031	
6	Khảo sát giai đoạn DADT	2.591,800	2.747,341	
7	Chi phí lập dự án đầu tư	407,800	444,250	
8	Chi phí thẩm tra TK-BVTC	114,500	131,408	

9	Chi phí thẩm tra dự toán	109,300	124,492	
10	Chi phí thí nghiệm nén cọc (bể chứa)		151,533	
11	Chi phí thí nghiệm nén cọc (nhà quản lý)		47,760	
12	Chi phí thẩm định giá vật tư thiết bị		36,665	
13	Gói thầu số 20: Phần mềm quản lý hệ thống và quản lý khách hàng	450,000	593,975	
V	Chi phí khác	2.454,000	2.939,101	+485,10
1	Gói thầu số 5: Bảo hiểm xây dựng công trình	516,600	503,102	
2	Gói thầu số 6: Rà phá bom mìn	1.000,000	1.317,688	
3	Gói thầu số 21: Kiểm toán dự án	435,600	522,466	
4	Gói thầu số 22: Quan trắc môi trường	50,000	140,946	
5	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	20,700	22,228	
6	Thẩm định kết quả ĐT, HSMT	100,000	103,000	
7	Thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn	130,600	129,671	
8	Chi phí kiểm tra nghiệm thu của cơ quan nhà nước		200,000	
9	Một số chi phí khác	200,000	-	
VI	Chi phí bồi thường GPMB (GgpmB)	7.178,000	15.258,455	+8.080,45
VII	Chi phí dự phòng còn lại sau khi trừ dự phòng trong các gói thầu	22.973,000	256,520	-22.716,48
	Tổng cộng	216.580,000	216.580,000	0,00